

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/DS-ST
Ngày 12 ngày 9 năm 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Sơ

Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2023/TLST-DS ngày 15/5/2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1959. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Ông Đỗ Anh T, sinh năm 1975 và bà Đặng Thùy H. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Anh T có mặt, chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá T2 giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – bà Trương Thị L T2 bày:

Ngày 14/7/2010, bà cho anh Đỗ Anh T và chị Đặng Thùy H vay số tiền là 250.000.000VNĐ, vay không thời hạn, lãi xuất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Hai bên có làm giấy tờ viết tay ngày 14/7/2010. Anh T đã thanh toán 137.000.000VNĐ tiền lãi, còn tiền gốc chưa thanh toán.

Ngày 18/01/2018, anh T và chị H vay tiếp số tiền 250.000.000VNĐ, thời hạn

vay là 01 tháng, lãi suất là 1,5%/tháng. Đối với số tiền này, anh T chưa thanh toán được tiền gốc và lãi. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, anh T có thể chấp cho bà 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Quang Huy và Phạm Văn Y. Bà đã nhiều lần yêu cầu anh T thanh toán nhưng anh T đều khát nợ, đến nay đã quá hạn rất lâu nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, đề nghị Tòa án buộc ông Đỗ Anh T, sinh năm 1975 và bà Đặng Thùy H. Địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La thanh toán số tiền nợ tại giấy vay tiền ngày 14/7/2010 là 250.000.000VNĐ và giấy vay tiền ngày 18/01/2018 là 250.000.000VNĐ. Tổng cả gốc và lãi là 1.131.650.000VNĐ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với giấy vay tiền ngày 14/7/2010, đề nghị Tòa án buộc anh T và chị H thanh toán số tiền theo giấy vay tiền ngày 18/01/2018, gồm 250.000.000VNĐ tiền gốc và 255.000.000VNĐ tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai và quá T2 giải quyết vụ án, ông Đỗ Anh T T2 bày như sau:

Ông T xác nhận có vay của bà L số tiền là 250.000.000VNĐ theo giấy vay tiền ngày 18/01/2018. Ông đã chuyển khoản để thanh toán được 27.000.000VNĐ. Đối với khoản tiền gốc là 250.000.000VNĐ tiền gốc, ông sẽ thu xếp thanh toán sau khi bán tài sản, đến tháng 6/2024 sẽ thu xếp để thanh toán. Đối với khoản tiền lãi, hai bên có thỏa thuận về tiền lãi trong giấy tờ nhưng ông sẽ tiếp tục thỏa thuận về tiền lãi với bà L sau khi thanh toán xong tiền gốc. Hiện tại, bà L đang nhận thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Một giấy mang tên Phạm Văn Y và một giấy mang tên Nguyễn Quang Huy). Khi ông thanh toán xong tiền gốc, đề nghị bà L phải trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Đối với khoản tiền 250.000.000VNĐ theo giấy vay tiền ngày 14/7/2010 ông không nhất trí. Bà L làm cán bộ tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp huyện Mai Sơn. Bà PH trú tại Tiểu khu 4, thị trấn H, huyện Mai Sơn (là em dâu bà Lê Thị T2, hiện đang trú tại Tiểu khu Nà Sản (khu Hồ Tiên Phong), xã H, huyện Mai Sơn) có vay tiền tại Ngân hàng. Khoản vay này bà L cho vay thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T2. Đến hạn trả gốc, bà PH không có khả năng thanh toán, bà L trả tiền vào ngân hàng cho khoản nợ của bà PH để đáo hạn. Lúc đó bà L nhờ ông viết một giấy vay tiền cho vợ chồng ông ký để gia đình yên tâm. Vì tin tưởng nhau (có mối quan hệ quen biết từ trước) nên vợ chồng ông có ký vào giấy tiền đó. Sau một thời gian bà L có nhờ ông đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2 và ông đã giao đầy đủ giấy tờ đó cho bà T2. Nhưng theo tìm hiểu thì bà L đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2, như vậy thì bà T2 đã phải thanh toán cho bà L xong khoản tiền đó. Khi bà T2 thanh toán tiền lãi, ông có mang về đưa cho bà L, thời gian ông không nhớ cụ thể, cũng không làm giấy biên nhận với bà T2 hay bà L. Bản chất ông không được nhận tiền từ bà L nên ông không nhất trí thanh toán theo giấy vay tiền năm 2010.

Trong quá T2 giải quyết vụ án, đồng bị đơn bà Đặng Thùy H có ý kiến

bằng văn bản như sau: Bà là vợ của ông Đỗ Anh T. Giữa chồng bà là Đỗ Anh T và bà L có mối quan hệ làm ăn với nhau, chồng bà có nhờ ký vào giấy vay tiền để chồng bà đảo nợ ngân hàng với khách hàng của bà L. Việc khởi kiện của bà L tại Tòa án bà để cho chồng bà giải quyết.

Do các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá T2 giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá T2 giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng, Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L. Buộc bị đơn ông Đỗ Anh T và bà Đặng Thùy H phải thanh toán cho bà Trương Thị L số tiền nợ gốc là 250.000.000VNĐ, tiền lãi từ ngày 18/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (05 năm 08 tháng) là 228.000.000VNĐ. Tổng cộng là 478.000.000VNĐ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 250.000VNĐ theo giấy vay tiền ngày 14/7/2010.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Trương Thị L khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Anh T và bà Nguyễn Thùy H phải thanh toán số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 14/7/2010 và giấy vay tiền ngày 18/01/2018 nên Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu thanh toán theo giấy vay tiền ngày 14/7/2010:

Trong quá T2 giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị xin rút yêu cầu khởi kiện đối với giấy vay tiền này ngày 14/7/2010. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này đối với số tiền gốc 250.000VNĐ theo giấy vay tiền ngày 14/7/2010.

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán theo giấy vay tiền ngày 18/01/2018:

Trong quá T2 giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp bản gốc giấy vay tiền ngày 18/01/2018 có chữ ký của ông Đỗ Anh T và bà Nguyễn Thùy H. Trong quá T2 giải quyết vụ án, bị đơn ông T có thừa nhận vợ chồng ông có vay và ký xác nhận vào giấy vay tiền ngày 18/01/2018 với số tiền vay là 250.000.000VNĐ, ông T đã chuyển khoản để thanh toán số tiền 27.000.000VNĐ. Số tiền nợ còn lại, ông T xin gia hạn thanh toán đến tháng 06/2023. Theo giấy vay tiền có chữ ký của bà H, ông T thừa nhận chị H có ký vào giấy vay tiền, chị H thừa nhận đã xác nhận vào giấy vay tiền. Đồng thời, khoản nợ hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch vay tài sản bà Trương Thị L và anh Đỗ Anh T, chị Nguyễn Thùy H thể hiện tại giấy vay tiền đề ngày 18/01/2018 là có thật, được các bên thừa nhận, nội dung của giao dịch là hợp pháp, do đó cần được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Thời gian vay theo thỏa thuận là 01 tháng kể từ ngày vay. Việc bị đơn không thanh toán tiền nợ gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận.

Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh Đỗ Anh T và chị Đặng Thùy H có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 250.000.000VNĐ.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi: Theo thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay. Tuy nhiên, hai bên thỏa thuận tiếp tục gia hạn thời hạn vay được thể hiện trong nội dung tin nhắn trao đổi giữa hai bên. Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi từ ngày 18/01/2018 đến thời điểm xét xử (là 05 năm 08 tháng) theo lãi suất thỏa thuận của hai bên trong giấy biên nhận vay tiền đề ngày 18/01/2018 là 1,5%/tháng, xác nhận ông T đã thanh toán được 27.000.000VNĐ tiền lãi. Bị đơn xác nhận có thanh toán tiền cho bà L nhưng không nhớ là thanh toán tiền gốc hay lãi và đề nghị được tiếp tục thỏa thuận tiền lãi với bà L sau khi thanh toán xong tiền gốc. Hội đồng xét xử xét thấy, lãi suất nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần chấp nhận. Do đó, ông Đỗ Anh T và bà Đặng Thùy H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trương Thị L số tiền lãi là 255.000.000VNĐ - 27.000.000VNĐ còn 228.000.000VNĐ.

[2.4] Từ những nhận định trên, cần buộc ông Đỗ Anh T và bà Đặng Thùy H phải trả cho bà Trương Thị L số tiền gốc là 250.000.000VNĐ và tiền lãi là 228.000.000VNĐ. Tổng cộng là 478.000.000VNĐ.

[3] Đối với việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các đương sự không đề nghị Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là **23.120.000VNĐ**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L. Buộc bị đơn ông Đỗ Anh T và bà Đặng Thùy H phải thanh toán cho bà Trương Thị L số tiền nợ gốc là 250.000.000VNĐ, tiền lãi từ ngày 18/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (05 năm 08 tháng) là 228.000.000VNĐ. Tổng cộng là 478.000.000VNĐ (Bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (bà Trương Thị L) cho đến khi thi hành án xong, ông Đỗ Anh T và bà Đặng Thùy H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 250.000VNĐ theo giấy vay tiền ngày 14/7/2010.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Trương Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị đơn ông Đỗ Anh T và bà Đặng Thùy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là **23.120.000VNĐ (Hai mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng)**.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có

quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nông Văn Thịnh